

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **29/2026/HS-ST**
Ngày: 09 – 4 – 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiến.
2. Ông Phạm Gắng .

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2026/TLST -HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 06/4/2001 tại Sông C, Đắk Lắk. Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm biển. Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số thẻ CCCD: 054201007440, ngày cấp: 21/02/2023, nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2. Con ông Nguyễn K, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966, Vợ: Đỗ Thị Thanh N, sinh năm 2001, con: 01 người, sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Hồ Hữu K1**, sinh ngày 13/3/2002 tại Sông C, Đắk Lắk. Nơi cư trú:

tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm biển. Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số thẻ CCCD: 054202002322, ngày cấp: 29/9/2022, nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2. Con ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Hồ Thị T, sinh năm 1979. Tiền án: Ngày 21/10/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 26/5/2023, bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 01 năm tù của bản án xử ngày 21/10/2022, buộc chấp hành hình phạt chung là 02 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/9/2024. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 02/3/2020, bị Công an phường X ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1973. Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Vợ chồng ông Nguyễn K, sinh năm 1967, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. Cùng nơi cư trú: tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Ông Nguyễn C, sinh năm 1965. Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/9/2025, Nguyễn Văn B đi xe khách ra phường Q, tỉnh Gia Lai để chơi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, B đi bộ một mình đến cây xăng thuộc phường Q, tỉnh Gia Lai, một nam thanh niên (không xác định nhân thân, lai lịch) chạy xe máy đến chào bán ma túy, B đồng ý mua ma túy với số tiền 300.000 đồng. Người thanh niên này nhận tiền bỏ đi, sau đó quay lại vứt 01 gói thuốc lá hiệu “Jet” xuống đường và nói ma túy để trong vỏ gói thuốc lá. B nhặt lấy gói thuốc lá, thấy bên trong có 01 bì ma túy đá và 01 nỏ thủy tinh. B lấy bì ma túy và nỏ thủy tinh bỏ vào túi quần, vứt bỏ vỏ gói thuốc lá và đón xe khách về nhà tại tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, B sử dụng khoảng 1/3 ma túy tại khu vực bãi biển P, phần ma túy còn lại B cất giấu tại phòng ngủ của chị Nguyễn Thị Khánh L.

Đến khoảng 17 giờ ngày 14/9/2025, trong khi Nguyễn Văn B cùng với Nguyễn Hồ Hữu K1 uống cà phê, B rủ K1 sử dụng ma túy, K1 trả lời “có gì nhắn tin sau”. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, K1 xin ông Nguyễn Hữu Đ (cha ruột của K1) 200.000 đồng để đi sinh nhật bạn và K1 tự ý lấy điện thoại di động của ông Đ để nhắn tin qua

ứng dụng messenger thông báo cho B biết đã có tiền. B gọi lại yêu cầu K1 mua 02 card điện thoại để góp tiền mua ma túy, K1 đồng ý và đến tiệm tạp hóa của bà Lê Thị Kim T1 mua 02 card điện thoại (01 card trị giá 100.000 đồng và 01 card trị giá 50.000 đồng). Sau đó, K1 đi bộ đến nhà B đưa B 02 card điện thoại trên và số tiền mặt 50.000 đồng để góp mua ma túy, sau đó K1 xuống khu vực bãi biển T, phường S để chờ Bin. Bin vào nhà lấy ma túy (số ma túy còn lại sau khi B sử dụng hết 1/3 vào ngày 13/9/2025) cùng với dụng cụ sử dụng ma túy gồm: nỏ thủy tinh, ống hút, nắp chai nhựa đã được khoan lỗ, quẹt gas đem ra bãi đất trống trước nhà đổ ma túy vào nỏ thủy tinh rồi đem xuống bãi biển G. Tại đây B nói K1 tìm chai nhựa đổ nước vào, K1 tìm được 01 chai nhựa hiệu “Dr. T2” rồi đến vị trí đặt bình nước lọc loại 20 lít ở góc lán trại của ông Nguyễn C, đổ nước vào chai rồi đưa cho B để chế tạo hoàn thiện bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, B và K1 vào bên trong lán trại của ông C nằm trên võng cùng nhau sử dụng hết ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, K1 về nhà trước, B vứt bỏ nắp nhựa gắn ống hút, quẹt gas xuống biển, vứt bỏ chai nhựa gần nơi sử dụng ma túy, cầm nỏ thủy tinh đem về nhà bỏ trong hộp giấy đặt trong túi nilon màu đen rồi cất giấu dưới bàn trang điểm trong phòng ngủ của chị L.

Ngày 16/9/2025, Công an phường S kiểm tra, phát hiện Nguyễn Văn B và Nguyễn Hồ Hữu K1 có biểu hiện sử dụng ma túy nên mời về trụ sở làm việc và tiến hành test nhanh ma túy, kết quả: Nguyễn Văn B và Nguyễn Hồ Hữu K1 dương tính với chất ma túy đá (Methamphetamine).

Tại Bản Kết luận giám định số 689/KL-KTHS, ngày 26/09/2025 của phòng K2 Công an tỉnh Đ (BL 41 – 42), kết luận:

- + Chất lỏng màu vàng bên trong chai nhựa vụn kín nắp có ký ghi tên Nguyễn Văn B (ký hiệu A₁) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ gửi giám định có tìm thấy ma túy, loại Methamphetamine.

- + Chất lỏng màu vàng bên trong chai nhựa vụn kín nắp có ký ghi tên Nguyễn Hồ Hữu K1 (ký hiệu A₂) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ gửi giám định có tìm thấy ma túy, loại Methamphetamine.

- + Chất màu trắng, đen bám dính trong ống thủy tinh và các mảnh vỡ bên trong túi niêm phong mã số PS1 24258785 (ký hiệu A₃) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ gửi giám định có tìm thấy ma túy, loại Methamphetamine. Vì lượng bám dính ít nên không xác định được khối lượng.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKSKV14 ngày 27/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Hồ Hữu K1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Ông Nguyễn Hữu Đ trình bày: Giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, xin nhận lại điện thoại di động của ông Đ đang bị Công an tạm giữ.

Vợ chồng ông K, bà H thống nhất trình bày: không biết sự việc bị cáo B sử dụng trái phép chất ma túy, cất giấu ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy trong nhà của vợ chồng ông K, bà H.

Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng số 44/CT-VKSKV14 ngày 27/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; Riêng bị cáo K1 áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Hồ Hữu K1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Hữu K1 từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

01 (một) bì niêm phong, mặt trước bì niêm phong có ghi: Hoàn trả Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ 01 (một) ống thủy tinh trong suốt và các mảnh vỡ và bao bì gửi đến giám định theo Kết luận giám định số: 689/KL-KTHS, ngày 26/9/2025. Mặt sau bì niêm phong có hình dấu Phòng K2 Công an tỉnh Đ, chữ ký ghi tên Bùi Thị S; Điều tra viên Nguyễn Minh H1; 01 (một) túi ni lông màu đen bên trong có chứa 01 hộp giấy có kích thước (19,5 x 12,5 x 8)cm, bên trong hộp giấy có 01 (một) bật lửa màu vàng, nhãn hiệu BIC, kích thước (7,5 x 2 x 1)cm; 01 (một) đoạn kim loại hình trụ (dạng chiếc đũa), dài 23cm, đường kính lớn nhất 0,6cm; 18 (mười tám) ống nhựa màu trắng, trong đó: 09 (chín) đoạn ống nhựa dài 20cm, đường kính 0,7cm; 09 (chín) đoạn ống nhựa có cùng đường kính 0,7cm, có chiều dài khác nhau, đoạn ống có chiều dài lớn nhất 16,5cm và đoạn ống có chiều dài nhỏ nhất 2,5cm; 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng, hàn kín một đầu, có kích thước lần lượt là (2,7 x 0,6)cm, (1,2 x 0,6)cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt, hàn kín một đầu, có kích thước (1,5 x 0,6)cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt, hàn kín hai đầu, có kích thước (1,9 x 0,6)cm, trong hai đoạn ống này có bám dính chất màu trắng; 01 (một) dao lam nhãn hiệu GILLETTE, có kích thước (4,5 x 2,2)cm; 01 (một) chai nhựa màu

đỏ nhãn hiệu “Dr Thanh” là vật không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu: realme 5i, Kiểu máy: RMX2032, số IMEI 1: 860343040878632, số IMEI 2: 860343040878624 (ký hiệu A1) tạm giữ của Nguyễn Hữu Đ, ông Đ không biết bị cáo K1 sử dụng làm phương tiện phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại cho ông Đ.

Đối với 01 điện thoại di động XPERIA, tên thiết bị: SOV38, kiểu máy: SOV38, số IMEI: 364986090037880 (ký hiệu A2) tạm giữ của Nguyễn Văn B là phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) là tiền thu lợi bất chính do Nguyễn Văn B giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra nên đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề khác:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn B vào ngày 13/9/2025 tại Tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ chuyển Công an phường S xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Văn B tại phường Q, tỉnh Gia Lai, do Nguyễn Văn B không xác định được nhân thân lai lịch, đặc điểm nhận dạng và phương tiện sử dụng nên không đủ cơ sở để xác minh xử lý.

Đối với ông Nguyễn Hữu Đ không biết việc Nguyễn Hồ Hữu K1 tự ý lấy điện thoại của ông Đ nhắn tin với Nguyễn Văn B liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, ông Đ cũng không biết việc K1 xin tiền ông Đ để góp tiền mua ma túy với B nên không xem xét xử lý.

Đối với địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại lán trại của ông Nguyễn Cạn . Quá trình điều tra xác định ông Nguyễn C không biết việc các bị can đã lén lút tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý.

Đối với vợ chồng ông K, bà H, thời điểm Nguyễn Văn B cất giấu ma túy tại phòng ngủ của chị L (nhà của ông K, bà H), vợ chồng ông K, bà H không biết việc B cất giấu ma túy trong phòng ngủ nên không xem xét xử lý.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, VKSND khu vực 14 – Đắk Lắk và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn C đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của ông C đã có lời khai rõ ràng tại hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bản ảnh, các kết luận giám định, biên bản thực nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ ngày 14/9/2025, tại khu vực bãi biển T, phường S, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Văn B và Nguyễn Hồ Hữu K1 có hành vi cùng nhau góp tiền mua ma túy, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Do đó, Cáo trạng số 44/CT-VKSKV14 ngày 27/02/2026 của VKSND khu vực 14 – Đắk Lắk truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Hồ Hữu K1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, việc sử dụng trái phép chất ma túy không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của các bị cáo, mà còn ảnh hưởng đến gia đình, xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm thoả mãn nhu cầu cá nhân nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo K1

có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Mặc dù bị cáo B là người trực tiếp mua ma túy, chuẩn bị phần lớn dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, là người rủ rê bị cáo K1 phạm tội, bị cáo B có vai trò tích cực trong vụ án hơn so với bị cáo K1 nhưng bị cáo K1 có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xử phạt về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, HĐXX chấp nhận mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị đối với các bị cáo và quyết định mức hình phạt cho bị cáo K1 bằng mức hình phạt đối với bị cáo B.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

01 (một) bì niêm phong, mặt trước bì niêm phong có ghi: Hoàn trả Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ 01 (một) ống thủy tinh trong suốt và các mảnh vỡ và bao bì gửi đến giám định theo Kết luận giám định số: 689/KL-KTHS, ngày 26/9/2025. Mặt sau bì niêm phong có hình dấu Phòng K2 Công an tỉnh Đ, chữ ký ghi tên Bùi Thị S; Điều tra viên Nguyễn Minh H1; 01 (một) túi ni lông màu đen bên trong có chứa 01 hộp giấy có kích thước (19,5 x 12,5 x 8)cm, bên trong hộp giấy có 01 (một) bật lửa màu vàng, nhãn hiệu BIC, kích thước (7,5 x 2 x 1)cm; 01 (một) đoạn kim loại hình trụ (dạng chiếc đũa), dài 23cm, đường kính lớn nhất 0,6cm; 18 (mười tám) ống nhựa màu trắng, trong đó: 09 (chín) đoạn ống nhựa dài 20cm, đường kính 0,7cm; 09 (chín) đoạn ống nhựa có cùng đường kính 0,7cm, có chiều dài khác nhau, đoạn ống có chiều dài lớn nhất 16,5cm và đoạn ống có chiều dài nhỏ nhất 2,5cm; 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng, hàn kín một đầu, có kích thước lần lượt là (2,7 x 0,6)cm, (1,2 x 0,6)cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt, hàn kín một đầu, có kích thước (1,5 x 0,6)cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt, hàn kín hai đầu, có kích thước (1,9 x 0,6)cm, trong hai đoạn ống này có bám dính chất màu trắng; 01 (một) dao lam nhãn hiệu GILLETTE, có kích thước (4,5 x 2,2)cm; 01 (một) chai nhựa màu đỏ nhãn hiệu “Dr Thanh” là vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu: realme 5i, Kiểu máy: RMX2032, số IMEI 1: 860343040878632, số IMEI 2: 860343040878624 (ký hiệu A1) tạm giữ của Nguyễn Hữu Đ, ông Đ không biết bị cáo K1 sử dụng làm phương tiện phạm tội nên trả lại cho ông Đ.

Đối với 01 điện thoại di động XPERIA, tên thiết bị: SOV38, kiểu máy: SOV38, số IMEI: 364986090037880 (ký hiệu A2) tạm giữ của Nguyễn Văn B, là phương tiện phạm tội của bị cáo, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) là tiền thu lợi bất chính do Nguyễn Văn B giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn B vào ngày 13/9/2025 tại Tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ chuyển Công an phường S để xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Văn B tại phường Q, tỉnh Gia Lai, do Nguyễn Văn B không xác định được nhân thân lai lịch, đặc điểm nhận dạng và phương tiện sử dụng, CQCSĐT không đủ cơ sở để xác minh xử lý.

Đối với ông Nguyễn Hữu Đ không biết việc Nguyễn Hồ Hữu K1 tự ý lấy điện thoại của ông Đ nhắn tin với Nguyễn Văn B liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, ông Đ cũng không biết việc K1 xin tiền ông Đ để góp tiền mua ma túy với B, CQCSĐT không xem xét xử lý.

Đối với địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại lán trại của ông Nguyễn Cạn . Quá trình điều tra xác định ông Nguyễn C không biết việc các bị can đã lén lút tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, CQCSĐT không xem xét xử lý.

Đối với vợ chồng ông K, bà H, thời điểm Nguyễn Văn B cất giấu ma túy tại phòng ngủ của chị L (nhà của ông K, bà H), vợ chồng ông K, bà H không biết việc B cất giấu ma túy trong phòng ngủ, CQCSĐT không xem xét xử lý.

Do đó, HĐXX không xem xét các vấn đề nêu trên.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K1.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Hồ Hữu K1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

3. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn B 04 (B1) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Hồ Hữu K1 04 (B1) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về vật chứng:

Tịch thu, tiêu huỷ 01 (một) bì niêm phong, mặt trước bì niêm phong có ghi: Hoàn trả Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ 01 (một) ống thủy tinh trong suốt và các mảnh vỡ và bao bì gửi đến giám định theo Kết luận giám định số: 689/KL-KTHS, ngày 26/9/2025. Mặt sau bì niêm phong có hình dấu Phòng K2 Công an tỉnh Đ, chữ ký ghi tên Bùi Thị S; Điều tra viên Nguyễn Minh H1; 01 (một) túi ni lông màu đen bên trong có chứa 01 hộp giấy có kích thước (19,5 x 12,5 x 8)cm, bên trong hộp giấy có 01 (một) bật lửa màu vàng, nhãn hiệu BIC, kích thước (7,5 x 2 x 1)cm; 01 (một) đoạn kim loại hình trụ (dạng chiếc đũa), dài 23cm, đường kính lớn nhất 0,6cm; 18 (mười tám) ống nhựa màu trắng, trong đó: 09 (chín) đoạn ống nhựa dài 20cm, đường kính 0,7cm; 09 (chín) đoạn ống nhựa có cùng đường kính 0,7cm, có chiều dài khác nhau, đoạn ống có chiều dài lớn nhất 16,5cm và đoạn ống có chiều dài nhỏ nhất 2,5cm; 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng, hàn kín một đầu, có kích thước lần lượt là (2,7 x 0,6)cm, (1,2 x 0,6)cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt, hàn kín một đầu, có kích thước (1,5 x 0,6)cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt, hàn kín hai đầu, có kích thước (1,9 x 0,6)cm, trong hai đoạn ống này có bám dính chất màu trắng; 01 (một) dao lam nhãn hiệu GILLETTE, có kích thước (4,5 x 2,2)cm; 01 (một) chai nhựa màu đỏ nhãn hiệu “Dr Thanh”.

Trả lại cho ông Nguyễn Hữu Đ 01 điện thoại di động hiệu: realme 5i, Kiểu máy: RMX2032, số IMEI 1: 860343040878632, số IMEI 2: 860343040878624 (ký hiệu A1).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động XPERIA, tên thiết bị: SOV38, kiểu máy: SOV38, số IMEI: 364986090037880 (ký hiệu A2).

(Theo biên bản về việc giao nhận, vật chứng ngày 27/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Đắk Lắk) .

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ nộp cho Thi hành án dân sự tỉnh Đ theo giấy nộp tiền ngày 27/02/2026 của Ngân hàng TMCP N1.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Hồ Hữu K1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 14 – Đắk Lắk;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ: Tổ địa bàn số 7 – 26 Lê Thành Phương, thôn Chí Thạnh, xã Tuy An Bắc, Đắk Lắk);
- Phòng Thi hành án dân sự KV 14 - Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà